

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, chia nợ
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phương;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, chia nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Ngọc L, sinh năm 1974; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Tân Biên, Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Hoàng Ngọc L: Anh Diệp Văn C, sinh năm 1987; cư trú tại: khu phố E, phường G, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2018); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Hoàng Ngọc L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S chung sống vợ chồng từ năm 1991, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp do ông S không quan tâm đến bà. Vợ chồng chung sống không cùng quan điểm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn gia đình, chung sống không hạnh phúc. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn S chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 28/11/1992, Nguyễn Thị Thạch Th, sinh ngày 04/9/1994 và Nguyễn Thị Quê A, sinh ngày 07/6/2000. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Hoàng Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: *Tại bản tự khai ngày 06 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn - anh Diệp Văn C trình bày:*

Ngày 30/6/2016 (âm lịch) bà Q chơi 01 phần hụi 5.000.000 đồng do bà L làm chủ. Dây hụi gồm 25 phần, 20 ngày khui 01 lần. Bà Q đóng đến kỳ thứ 18 thì bà L ngưng chơi hụi.

Ngày 20/10/2016 bà Q chơi 01 phần hụi 5.000.000 đồng. Dây hụi gồm 22 phần, 20 ngày khui 01 lần. Bà Q đóng đến kỳ thứ 12 thì bà L ngưng chơi hụi.

Ngày 24/6/2017, bà L và bà Q chốt lại số tiền nợ hụi, bà L còn nợ bà Q số tiền 126.300.000 đồng và hẹn đến tháng 02/2018 (âm lịch) sẽ trả hết cho bà Q. Sau đó bà L đã trả cho bà Q được 25.000.000 đồng, còn nợ lại 101.300.000 đồng. Nay bà Q yêu cầu bà L và ông S có trách nhiệm trả số tiền 101.300.000 đồng. Bà Lan đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà Q.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Trần Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hoàng Ngọc L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1991, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn hay cự cãi gì nhưng bà L chung sống với ông mà không thành thật về vấn đề kinh tế, tiền bạc trong gia đình. Ông và bà L không còn chung sống vợ chồng từ tháng 01/2018 (âm lịch) đến nay. Ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà Hoàng Ngọc L chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 28/11/1992, Nguyễn Thị Thạch Th, sinh ngày 04/9/1994 và Nguyễn Thị Quê A, sinh ngày 07/6/2000. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị Q yêu cầu ông và bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Q số tiền 101.300.000 đồng tiền hội, ông không đồng ý. Vì ông có nghe bà L chơi hội nhưng hoàn toàn không biết việc chơi hội giữa bà Lan và bà Q. Ông cũng chưa từng thấy ai đến nhà ông khui hội hay có ai đến nhà ông đóng tiền hội. Hằng ngày ông đi làm rẫy, tiền kiếm được ông đều đưa cho bà L quản lý chi tiêu trong gia đình.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Bùi Thị Q trình bày:

Bà có tham gia chơi hội do bà Hoàng Ngọc L làm chủ hội cụ thể như sau:

Ngày 30/6/2018 âm lịch bà có tham gia chơi của bà L 01 đầu hội 5.000.000 đồng, hội gồm 25 phần, hội 20 ngày khui một lần. Hội khui được 18 kỳ thì bà L tuyên bố bế hội.

Ngày 20/10/2016 bà có tham gia chơi của bà Lan 01 đầu hội 5.000.000 đồng, hội gồm 22 phần, 20 ngày khui một lần. Hội khui đến kỳ thứ 12 thì bà L tuyên bố bế hội.

Đến ngày 24/6/2017 bà và L có tính lại tiền hội. Tổng cộng bà L còn nợ bà số tiền hội 126.300.000 đồng. Bà L hẹn đến tháng 02/2018 âm lịch sẽ trả hết cho bà số tiền nêu trên. Sau đó, bà L trả cho bà được số tiền hội 25.000.000 đồng, còn nợ 101.300.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hội 101.300.000 đồng

Tại phiên tòa:

Bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S, bà Bùi Thị Q và anh Diệp Văn C đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1991, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông S. Trong thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Nên tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông S cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông S.

- Về con chung: Bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 28/11/1992, Nguyễn Thị Thạch Th, sinh ngày 04/9/1994 và Nguyễn Thị Quế A sinh ngày 07/6/2000. Các cháu đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Việc ông S cho rằng ông không biết việc bà L làm chủ hụi và không đồng ý cùng bà L trả cho bà Q số tiền nợ hụi 101.300.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện việc các hụi viên chung đây hụi với bà Q có gặp ông S tại nhà, khi không có bà L ở nhà thì đóng hụi cho ông S. Do vậy, việc bà L chơi hụi thì ông S biết và không phản đối. Do đó, căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông S có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả cho bà Q số tiền nợ hụi là 101.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S, bà Bùi Thị Q, anh Diệp Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hoàng Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Đồng thời, bà Bùi Thị Q khởi kiện yêu cầu bà L, ông S liên đới trả số tiền nợ hụi 101.300.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn, chia nợ chung khi ly hôn”.

[3] Về hôn nhân:

Bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1991, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

[4] Về con chung:

Bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 28/11/1992; Nguyễn Thị Thạch Th, sinh ngày 04/9/1994 và Nguyễn Thị Quế A sinh ngày 07/6/2000. Hiện tại 03 con chung đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Q yêu cầu bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S trả số tiền nợ hui thấy rằng:

Việc chơi hui giữa bà Bùi Thị Q và bà Hoàng Ngọc L là có thật và được bà Q, bà L thừa nhận. Bà L đồng ý trả bà Q số tiền nợ hui 101.300.000 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Q là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 buộc bà Hoàng Ngọc L có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Q số tiền 101.300.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm trả nợ:

Bà Bùi Thị Q yêu cầu bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui 101.300.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà L, ông S đều cho rằng ông S hoàn toàn không biết việc bà L chơi hui nhưng qua thu thập chứng cứ có đủ cơ sở xác định ông S hoàn toàn biết việc bà Lan chơi hui, các hui viên chung dây hui với bà Q đến nhà bà L đóng tiền hui gặp ông S và có đóng tiền hui cho ông S. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc ông S có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả cho bà Q số tiền nợ hui 101.300.000 đồng.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà L nên cần xác định nghĩa vụ trả nợ của bà L và ông S đối với bà Q là nghĩa vụ liên đới theo phần. Do đó, Bà L và ông S mỗi người phải có nghĩa vụ trả một nửa số tiền hui cho bà Q. Cụ thể: Bà L, ông S mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hui 50.650.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Q không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Q được chấp nhận nên bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S mỗi người phải chịu 2.532.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và bà Hoàng Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần hôn nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hui, họ, biếu, phượng; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Ngọc L về việc “Tranh chấp ly hôn, chia nợ chung khi ly hôn”. Bà Hoàng Ngọc L được ly hôn đối với ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 28/11/1992; Nguyễn Thị Thạch Th, sinh ngày 04/9/1994 và Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 07/6/2000. Hiện tại 03 con chung đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Buộc bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị Q số tiền nợ hui 101.300.000 đồng; trong đó: Bà Hoàng Ngọc L có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Q số tiền 50.650.000 đồng; ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Q số tiền 50.650.000 đồng. Ghi nhận bà Q không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Bùi Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Hoàng Ngọc L và ông Nguyễn Văn S còn phải trả cho bà Bùi Thị Q số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 2.532.000 đồng. Bà Hoàng Ngọc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 2.532.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia nợ chung nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0005536 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà L còn phải nộp 2.532.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Q 2.532.000 (hai triệu năm trăm ba hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005480 ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương